

## 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:

Không yêu cầu

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Stt	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt	Yêu cầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tính hợp lệ của hàng hóa	Hàng hóa do nhà thầu chào phải nêu rõ tên, ký mã hiệu, model, nhãn mác sản phẩm (nếu có), tên nhà sản xuất, nguồn gốc xuất xứ, năm sản xuất rõ ràng.	Đạt	Nhà thầu cung cấp Bảng liệt kê đặc tính kỹ thuật chi tiết của hàng hóa. Có nêu rõ tên, ký mã hiệu, model, nhãn mác sản phẩm (nếu có), tên nhà sản xuất, nguồn gốc xuất xứ, năm sản xuất.
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	Nhà thầu chào nhiều hơn 01 xuất xứ; ký mã hiệu, hãng sản xuất cho một chủng loại hàng hóa được xem là không rõ ràng.
2	Đặc tính, thông số, kỹ thuật của hàng hóa chào thầu	Hàng hóa do nhà thầu cung cấp có tiêu chuẩn kỹ thuật, thông số kỹ thuật, chất lượng hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu tại Mục 1 Chương V E-HSMT.	Đạt	Nhà thầu cung cấp catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật có dấu xác nhận của nhà sản xuất (đối với hàng hóa trong nước) hoặc đại diện chính thức được ủy quyền của nhà sản xuất tại Việt Nam (nếu hàng hóa chào thầu là hàng nhập khẩu) để Bên mời thầu đối chiếu sự đáp ứng của hàng hóa chào thầu. Với các yêu cầu về tính năng và công nghệ chi tiết
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	

Stt	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt	Yêu cầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				<p>của hàng hóa chào thầu, nếu trong catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất không thể hiện rõ ràng hoặc cụ thể thì khi tham dự thầu nhà thầu có trách nhiệm đối chiếu những nội dung đó và bổ sung bản xác nhận của hãng sản xuất hàng hóa hoặc đại diện chính thức được ủy quyền của nhà sản xuất tại Việt Nam cho những thông số kỹ thuật còn thiếu để Bên mời thầu có căn cứ đánh giá. Các tài liệu này phải được dịch sang tiếng Việt nếu là tiếng nước ngoài. Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính pháp lý và độ chính xác của các tài liệu cung cấp.</p>
3	<p>Nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa</p>	<p>Nhà thầu có cam kết cung cấp các loại giấy tờ sau khi bàn giao hàng hoá: + Giấy chứng nhận xuất xứ, Giấy chứng nhận chất lượng trong trường hợp hàng hóa chào thầu là hàng nhập khẩu. + Giấy chứng nhận xuất</p>	Đạt	<p>Nhà thầu có bản cam kết đáp ứng các nội dung về nguồn gốc, xuất xứ của hàng hoá yêu cầu tại Cột (3) bảng này.</p>

Stt	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt	Yêu cầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		xưởng của nhà sản xuất trong trường hợp hàng hóa chào thầu được sản xuất tại Việt Nam.		
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	
4	Biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng hàng hóa	Nhà thầu có thuyết minh các biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng hàng hoá hợp lý và hiệu quả kinh tế, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp.	Đạt	Nhà thầu có thuyết minh các biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng hàng hóa yêu cầu tại Cột (3) bảng này.
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	
5	Thời gian thực hiện hợp đồng và tiến độ cung cấp hàng hóa	Nhà thầu có cam kết: + Thời gian thực hiện trong vòng 110 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng. + Có biểu tiến độ chi tiết về thời gian dự kiến tổ chức cung cấp, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng hàng hóa phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng.	Đạt	Nhà thầu có đề xuất các nội dung về thời gian thực hiện hợp đồng và có biểu tiến độ cung cấp hàng hoá đáp ứng yêu cầu tại Cột (3) bảng này.
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	
6	Các cam kết về bảo hành, bảo trì hàng hóa			
6.1	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì	Nhà thầu cam kết trong thời gian bảo hành, khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu phải có mặt trong vòng 24 giờ tại nơi sử dụng để có phương án xử lý phù hợp.	Đạt	Nhà thầu có bản cam kết về mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì tại Cột (3) bảng này.
		Không đáp ứng yêu cầu	Không đạt	

Stt	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt	Yêu cầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		trên.		
6.2	Thời gian bảo hành	Nhà thầu ghi rõ thời gian bảo hành của từng loại hàng hoá dự thầu, đáp ứng thời gian bảo hành đối với từng hàng hoá quy định chi tiết tại Mục 1.2 Chương V E-HSMT.	Đạt	Nhà thầu ghi rõ thời gian bảo hành của từng loại hàng hoá dự thầu, đáp ứng nội dung yêu cầu về thời gian bảo hành tại Cột (3) bảng này.
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	
7	Các cam kết về tình trạng hàng hóa, điều kiện lắp đặt và vận chuyển			
7.1	Cam kết về giá hàng hóa	Nhà thầu có cam kết hàng hoá phải mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở đi; giá chào đã bao gồm các chi phí vận chuyển, lắp đặt tại nơi sử dụng, đào tạo, hướng dẫn sử dụng; bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và thuế giá trị gia tăng theo quy định.	Đạt	Nhà thầu có bản cam kết đáp ứng nội dung yêu cầu về giá của hàng hoá tại Cột (3) bảng này.
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	
7.2	Cam kết về vận chuyển và lắp đặt hàng hoá	Nhà thầu có cam kết hàng hóa được đóng gói đúng tiêu chuẩn khi vận chuyển. Được lắp đặt đúng kỹ thuật và thẩm mỹ tại nơi sử dụng theo yêu cầu. Quá trình vận chuyển, lắp đặt phải bảo đảm vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ theo đúng quy định.	Đạt	Nhà thầu có bản cam kết đáp ứng nội dung yêu cầu về vận chuyển và lắp đặt hàng hoá tại Cột (3) bảng này.
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	

Stt	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt	Yêu cầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
7.3	Cam kết về bồi thường thiệt hại	Nhà thầu có cam kết bồi thường thiệt hại nếu xảy ra sự cố về hỏng hóc, cháy nổ, mất an toàn lao động gây thiệt hại cho đơn vị sử dụng trong quá trình triển khai lắp đặt hàng hóa nếu do lỗi nhân sự của nhà thầu thực hiện.	Đạt	Nhà thầu có bản cam kết đáp ứng nội dung yêu cầu về bồi thường thiệt hại tại Cột (3) bảng này.
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	
7.4	Cam kết thu hồi hàng hóa	Nhà thầu có cam kết thu hồi hoặc đổi trả toàn bộ hàng hóa trong trường hợp đã giao hàng nhưng hàng hóa bị lỗi, hỏng, không đảm bảo chất lượng mà không do lỗi của Đơn vị sử dụng hoặc khi có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền.	Đạt	Nhà thầu có bản cam kết đáp ứng nội dung yêu cầu về thu hồi hàng hóa tại Cột (3) bảng này.
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	
7.5	Cam kết về thương hiệu hàng hoá, bản quyền phần mềm	Nhà thầu có cam kết sẽ chịu trách nhiệm về những vấn đề phát sinh liên quan đến tranh chấp về thương hiệu hàng hoá, bản quyền phần mềm (nếu có) trước pháp luật.	Đạt	Nhà thầu có bản cam kết đáp ứng nội dung yêu cầu về thương hiệu hàng hoá, bản quyền phần mềm tại Cột (3) bảng này.
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	
8	Uy tín của nhà thầu	Nhà thầu chưa từng bị bất kỳ một đơn vị nào cấm đấu thầu trong thời	Đạt	Kiểm tra theo thông tin được đăng tải công khai trên Hệ thống

Stt	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt	Yêu cầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		gian từ ngày 01/01/2022 tính đến thời điểm đóng thầu.		mạng đấu thầu quốc gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	
<b>Kết luận:</b> “Đạt” khi đáp ứng tất cả nội dung trên, “Không đạt” khi không đáp ứng một trong các nội dung nêu trên				

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

##### **4.1. Phương pháp giá thấp nhất<sup>8</sup>:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Trường hợp Mục 13.5 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

**Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT:** không có

**Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập:** không có